

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/DS-ST
Ngày: 14/3/2024
V/v Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH – TỈNH TÂY NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoài Duy;
2. Ông Trần Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiêu P, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2023/TLST-DS ngày 17/10/2023, về việc **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1

Địa chỉ trụ sở: Số B N, phường H (Phường V), Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 217-219 Đường C, Khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng S – Giám đốc Chi nhánh T (Theo Giấy ủy quyền số 3270/2022/GUQ-PL ngày 26-12-2022).

Người được ủy quyền lại: Ông Cao Hiền Trí P1 – chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 170/2023/GUQ-CNTN ngày 30-8-2023); Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh D1, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: G, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Cao Hiền Trí P1 trình bày:

Ngân hàng TMCP S1 Chi nhánh T (S2) có cho ông Nguyễn Anh D1 vay vốn theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/03/2016. Hạn mức cấp thẻ: 20.000.000 đồng, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, lãi suất hợp đồng vay: 2,7%/ tháng. Quá hạn = 150% tháng. Cụ thể quá trình giao dịch như sau:

- Trong kỳ 31/03/2016 anh D1 bắt đầu sử dụng thẻ tín dụng và kích hoạt rút số tiền: 10.000.000 đồng, lãi trong kỳ: 33.332 đồng. Nền số dư cuối kỳ: 10.033.332 đồng. Số tiền này được chuyển sang kỳ tháng 04/2016.

- Số tiền đầu kỳ tháng 04/2016: 10.033.332 đồng cộng lãi phát sinh: 263.369 đồng, giao dịch thêm: 900.221 đồng, có chi trả: 502.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 04/2016: 10.694.922 đồng.

- Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 05/2016: 10.694.922 đồng cộng với giao dịch thêm: 9.347.661 đồng và lãi phát sinh: 487.083 đồng, thanh toán: 534.746 đồng, chốt cuối kỳ tháng 05/2023: 19.994.920 đồng.

- Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 06/2016: 19.994.920 đồng cộng lãi phát sinh: 497.239 đồng và phí: 80.000 đồng, anh D1 có thanh toán: 500.000 đồng, sau khi trừ đi chốt cuối kỳ tháng 06/2016 còn: 20.072.159 đồng.

- Số tiền cuối kỳ trên chuyển qua đầu kỳ tháng 07/2016: 20.072.159 đồng, cộng giao dịch: 363.800 đồng, cộng lãi phát sinh: 516.101 đồng; phí: 130.000 đồng, có thanh toán: 500.000 đồng, chốt cuối kỳ tháng 07/2016 còn: 20.582.060 đồng. Cứ thế chu kỳ được tính tương tự.

Kể từ thời điểm 31/03/2023 anh D1 thanh toán lần sau cùng 500.000 đồng, không thanh toán nợ ngân hàng nữa.

Căn cứ Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng: Ngày 30/04/2023 Ngân hàng chốt dư nợ gốc (gồm: gốc lãi, phí) chuyển sang nợ quá hạn: 19.362.779 đồng.

Ngày 31/05/2023 anh D1 có trả 500.000 đồng; ngày 31/08/2023 trả 500.000 đồng, số tiền này được hạch toán vào nợ gốc. Như vậy nợ gốc còn: 18.362.779 đồng

Mặc dù S2 thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp để yêu cầu anh D1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời S2 cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, anh vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Anh D1 phải trả cho S2 với tổng số tiền tính đến thời điểm ngày 14/03/2024 tổng cộng là 26.534.595 đồng trong đó tiền nợ gốc là 18.362.779 đồng; lãi trong hạn: 4.719.858 đồng; lãi quá hạn là 2.359.930 đồng và yêu cầu anh D1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Phụ lục điều khoản điều kiện hợp đồng tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Anh D1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng, đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng 2010; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14 ngày 30-12-2016 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh D1 trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng 26.534.595 đồng trong đó tiền nợ gốc là 18.362.779 đồng; lãi trong hạn: 4.719.858 đồng; lãi quá hạn là 2.359.930 đồng và anh D1 phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Phụ lục điều khoản điều kiện hợp đồng tín dụng. Anh Dũng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng thương mại cổ phần S1 có yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” với anh Nguyễn Anh D1 có địa chỉ cư trú tại khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại các Điều 26,

35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông **PI**, anh **D1** vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, anh **D1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, anh **D1** phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 23/3/2016, anh **D1** có ký với **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Căn cứ thu nhập của anh **D1**, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất vay: 2,7% /tháng. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngoài ra, ngoài ra trong hợp đồng còn thỏa thuận anh **D1** còn phải chịu các khoản phí liên quan đến thẻ nêu cụ thể trong hợp đồng. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** và anh **D1** là có thật và các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện.

Anh **D1** vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn từ ngày 30/04/2023. Do anh **D1** vi phạm hợp đồng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng nên **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1** khởi kiện yêu cầu anh **D1** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 14/3/2024 tổng cộng là 26.534.595 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 18.362.779 đồng; lãi trong hạn: 4.719.858 đồng; lãi quá hạn là 2.359.930 đồng và yêu cầu anh **D1** phải tiếp tục trả lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Phụ lục điều khoản điều kiện hợp đồng tín dụng là có cơ sở để chấp nhận.

*Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S1**.*

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do buộc anh **D1** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** số tiền tổng cộng là 26.534.595 đồng nên anh **D1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $26.534.595 \text{ đồng} \times 5\% = 1.326.500 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 538.000 đồng theo Biên lai thu số 0002517 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” của **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** đối với anh **Nguyễn Anh D1**.

Buộc anh **Nguyễn Anh D1** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** số tiền tổng cộng là 26.534.595 đồng (Hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi bốn ngàn năm trăm chín mươi lăm đồng), trong đó tiền nợ gốc là 18.362.779 đồng (Mười tám triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm bảy mươi chín đồng); lãi trong hạn: 4.719.858 đồng (Bốn triệu bảy trăm mười chín ngàn tám trăm năm mươi tám đồng); lãi quá hạn là 2.359.930 đồng (Hai triệu ba trăm năm mươi chín ngàn chín trăm ba mươi đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay (hoặc bên phải thi hành) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh **Nguyễn Anh D1** phải chịu 1.326.500 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 538.000 đồng theo Biên lai thu số 0002517 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Tp.TN;
- CCTHATp.TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (Ph).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung